

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN S  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/DS - ST  
Ngày: 26 - 8 - 2024  
V/v: “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH QUẢNG NGÃI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Mến**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đinh Văn Ngoan;
2. Ông Lưu Xuân Hà.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Đinh Hồng Buôi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa:*** Bà Phan Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2024/TLST-DS ngày 01/02/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST- DS ngày 07/8/2024, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* **Ngân hàng N**.

Địa chỉ: **Số B L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội**.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Toàn V**, chức vụ: Tổng Giám đốc **Ngân hàng N**.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Nguyễn Văn C** - Giám đốc **Ngân hàng N - Chi nhánh huyện S** (Theo quyết định về việc uỷ quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 2665/QĐ-NHN<sub>o</sub> ngày 01/12/2022 của ông **Phạm Toàn V**).

Người đại diện theo uỷ quyền lại: Ông **Nguyễn Thanh T** - Trưởng phòng Khách hàng **Ngân hàng N - Chi nhánh huyện S, Quảng Ngãi** (Theo Giấy uỷ quyền số 189/UQ-NHN<sub>o</sub>.SH ngày 23/8/2024 của ông **Nguyễn Văn C**). Địa chỉ: **Tổ dân phố H, thị trấn D, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi**. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Đinh Ô**, sinh năm 1969 và bà **Đinh Thị S**, sinh năm 1973.

Đều có địa chỉ: **Thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi**. Đều vắng mặt.

Người phiên dịch: Bà **Đinh Thị H** - Cán bộ hưu trí **thị trấn D, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi**. Có mặt.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/01/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn ông **Nguyễn Tranh T1** trình bày:*

Vào ngày 26/3/2019 **Ngân hàng N** (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) với vợ chồng ông **Đinh Ô** và bà **Đinh Thị S** ký hợp đồng tín dụng số 4505LAV201900624 về việc cho ông **Ô**, bà **S** vay số tiền 47.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, hạn trả gốc ngày 29/3/2022, định kỳ trả lãi 12 tháng/lần vào ngày 25, lãi suất vay 11%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay vốn mua keo chăm sóc và khai thác. Để làm tin cho khoản vay, ông **Ô**, bà **S** tự nguyện giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 227342, vào sổ số 02739/QSDD/1060/QĐ\_UB(H) do **Ủy ban nhân dân huyện S** cấp cho hộ ông **Đinh Ô** ngày 31/12/2002, diện tích 170m<sup>2</sup> tại thửa đất số .., tờ bản đồ số ..., tọa lạc tại **xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi** cho Ngân hàng để tín chấp.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông **Ô**, bà **S** không thực hiện đúng cam kết, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc yêu cầu ông, bà trả nợ và lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Nay, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông **Đinh Ô** và bà **Đinh Thị S** trả nợ cho Ngân hàng với tổng số tiền tính đến ngày 26/8/2024 là 74.354.579 đồng; trong đó: nợ gốc là 47.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 21.152.833 đồng, lãi quá hạn là 6.201.746 và tiếp tục trả lãi theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng số 4505LAV201900624 ngày 26/3/2019 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Ngân hàng sẽ hoàn trả lại cho ông **Đinh Ô** và bà **Đinh Thị S** Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 227342, vào sổ số 02739/QSDD/1060/QĐ\_UB(H) do **Ủy ban nhân dân huyện S** cấp cho hộ ông **Đinh Ô** ngày 31/12/2002, diện tích 170m<sup>2</sup> tại thửa đất số .., tờ bản đồ số ..., tọa lạc tại **xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi** sau khi ông **Ô** và bà **S** trả hết số tiền cho Ngân hàng. Ngoài ra Ngân hàng không còn yêu cầu gì thêm.

*Đối với bị đơn ông **Đinh Ô** và bà **Đinh Thị S**: Sau khi thụ lý và xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú thì được biết ông **Đinh Ô** và bà **Đinh Thị S** đã đi làm keo tại các tỉnh Tây Nguyên từ cuối tháng 01/2023 đến nay không có tin tức gì và không biết địa chỉ nơi cư trú mới. Do đó, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông **Ô** và bà **S** vẫn không đến Tòa án và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh hoặc có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70 và Điều 71, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Qua xác minh tại địa phương, xác định bị đơn đã vắng mặt tại địa phương nơi cư trú từ cuối tháng 01/2023 đến nay không có tin tức gì. Trong quá trình thụ lý giải quyết, Tòa án đã tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ, đầy đủ được quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng ông Ô, bà S vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Căn cứ tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Sau khi xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy việc Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Đinh Ô và bà Đinh Thị S có nghĩa vụ trả số tiền tính đến ngày 26/8/2024 là 74.354.579 đồng là có căn cứ.

Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 280, Điều 351, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 100 và Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng N và buộc ông Đinh Ô, bà Đinh Thị S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền 74.354.579 đồng, trong đó: nợ tiền gốc 47.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn tính đến ngày 26/8/2024 là 21.152.833 đồng và lãi quá hạn là 6.201.746. Ông Ô và bà S phải tiếp tục trả lãi phát sinh sau ngày 26/8/2024 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng. Buộc Ngân hàng N hoàn trả lại cho ông Đinh Ô và bà Đinh Thị S Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 227342, vào sổ số 02739/QSDĐ/1060/QĐ\_UB(H) do Ủy ban nhân dân huyện S cấp cho hộ ông Đinh Ô ngày 31/12/2002, diện tích 170m<sup>2</sup> tại thửa đất số .., tờ bản đồ số ..., tọa lạc tại xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi sau khi ông Ô, bà S trả hết số tiền cho Ngân hàng. Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông Đinh Ô và bà Đinh Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ, đầy đủ được quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng ông Ô, bà S vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Căn cứ tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử

tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là cá nhân ký hợp đồng vay vốn với mục đích mua keo chăm sóc và khai thác, vì vậy đây là tranh chấp dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại **huyện S, tỉnh Quảng Ngãi**. Do đó, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu trả nợ của **Ngân hàng N**, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp có tại hồ sơ thì vợ chồng ông **Đinh Ô** và bà **Đinh Thị S** có vay vốn của Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 4505LAV201900624 ngày 26/3/2019, số tiền vay là 47.000.000đồng, thời hạn vay 36 tháng, hạn trả gốc cuối cùng ngày 29/3/2022, lãi suất vay 11%/năm, định kỳ trả lãi 12 tháng/lần vào ngày 25, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay vốn mua keo chăm sóc và khai thác.

Để làm tin cho khoản vay, ông **Ô**, bà **S** tự nguyện giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 227342, vào sổ số 02739/QSDD/1060/QĐ\_UB(H) do **Ủy ban nhân dân huyện S** cấp cho hộ ông **Đinh Ô** ngày 31/12/2002, diện tích 170m<sup>2</sup> tại thửa đất số ..., tờ bản đồ số ..., tọa lạc tại **xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi** cho Ngân hàng để tín chấp.

Trong quá trình vay vốn, ông **Ô** và bà **S** không trả lãi theo đúng thỏa thuận như hợp đồng đã ký kết. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (26/8/2024) ông **Ô**, bà **S** còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 74.354.579đồng; trong đó nợ gốc là 47.000.000đồng, lãi trong hạn là 21.152.833đồng và lãi quá hạn là 6.201.746. Do đó, Ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông **Đinh Ô** và bà **Đinh Thị S** phải thanh toán số tiền nợ trên (tính đến ngày 26/8/2024) và tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc tính cho đến khi trả nợ xong theo mức lãi xuất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 4505LAV201900624 ngày 26/3/2019 là phù hợp với các Điều 100, Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3]. Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 227342, vào sổ số 02739/QSDD/1060/QĐ\_UB(H) do **Ủy ban nhân dân huyện S** cấp cho hộ ông **Đinh Ô** ngày 31/12/2002, diện tích 170m<sup>2</sup> tại thửa đất số ..., tờ bản đồ số ..., tọa lạc tại **xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi** đã tín chấp, Ngân hàng có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông **Ô**, bà **S** sau khi trả hết số tiền cho Ngân hàng.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[5]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 280, Điều 351, Điều 463; Điều 466; Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 100 và Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

### Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N - Chi nhánh huyện S đối với vợ chồng ông Đinh Ô và bà Đinh Thị S.

Buộc vợ chồng ông Đinh Ô và bà Đinh Thị S phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh huyện S tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/8/2024) là 74.354.579 đồng (Bảy mươi bốn triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm bảy mươi chín đồng); trong đó: nợ tiền gốc 47.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 21.152.833 đồng và lãi quá hạn 6.201.746 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/8/2024) cho đến khi thi hành án xong khoản nợ ông Đinh Ô và bà Đinh Thị S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 4505LAV201900624 ngày 26/3/2019 đã ký Ngân hàng N - Chi nhánh huyện S.

3. Buộc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện S hoàn trả lại cho ông Đinh Ô và bà Đinh Thị S Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 227342, vào sổ số 02739/QSDD/1060/QĐ\_UB(H) do Ủy ban nhân dân huyện S cấp cho hộ ông Đinh Ô ngày 31/12/2002, diện tích 170m<sup>2</sup> tại thửa đất số .., tờ bản đồ số ..., tọa lạc tại xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi sau khi ông Ô và bà S trả hết số tiền cho Ngân hàng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng anh Đinh Ô và bà Đinh Thị S phải nộp số tiền 3.717.728 đồng. H1 lại trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh huyện S số tiền 1.744.132 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000637 ngày 01/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân

sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện S;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS huyện S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Trần Mến**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đ**



